

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**BÀN VỀ CÁC PHƯƠNG PHÁP NHẬN DIỆN ẨN DỤ Ý NIỆM
ĐỖ THỊ AN***

TÓM TẮT: Bài viết này thảo luận và đánh giá bốn phương pháp nhận diện ẩn dụ ý niệm đã được phát triển theo trình tự thời gian. Các phương pháp được phân tích bao gồm: *Lí thuyết Ẩn dụ ý niệm* (Conceptual Metaphor Theory; CMT) của Lakoff và Johnson (1980), *Phân tích ẩn dụ phê phán* (Critical Metaphor Analysis; CMA) của Charteris-Black (2004), *Quy trình nhận diện ẩn dụ* (Metaphor Identification Procedure; MIP) do Pragglejaz Group (2007) phát triển, và *Ẩn dụ ý niệm đa cấp độ* (Multi-Level View of Conceptual Metaphor; MLV) của Kövecses (2017). Thông qua việc phân tích đối chiếu và cụ thể hóa từng bước thực hiện mỗi phương pháp nhận diện, bài báo cung cấp một cái nhìn tổng quan, giúp các nhà nghiên cứu lựa chọn phương pháp phù hợp nhất để phát hiện, phân tích ẩn dụ ý niệm một cách hiệu quả. Đồng thời, bài báo gợi mở hướng áp dụng các phương pháp này vào nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm.

TỪ KHÓA: nhận diện; ẩn dụ ý niệm; CMT; CMA; MIP; MLV.

NHẬN BÀI: 27/11/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/01/2025

1. Giới thiệu

Ẩn dụ, từ lâu đã được xem là một trong những hiện tượng phong phú và phức tạp nhất của ngôn ngữ. Không chỉ đơn thuần là một biện pháp tu từ, ẩn dụ còn đóng vai trò quan trọng trong việc cấu trúc tư duy và hình thành thế giới quan của con người. Đặc biệt, ẩn dụ ý niệm, với khả năng phản ánh cách chúng ta hiểu và trải nghiệm thế giới xung quanh, đã trở thành tâm điểm của nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ học.

Theo Lakoff và Johnson (1980), ẩn dụ không chỉ là một sự so sánh mà còn là một sự tương ứng giữa hai miền khái niệm, trong đó các đặc điểm của một miền được chuyển sang miền kia. Charteris-Black (2004) đã chỉ ra rằng, ẩn dụ không chỉ là một hiện tượng ngôn ngữ mà còn là một hiện tượng văn hóa, phản ánh cách con người hiểu và trải nghiệm thế giới. Ẩn dụ ý niệm cũng cho phép chúng ta hiểu những khái niệm trừu tượng bằng cách liên kết chúng với những khái niệm cụ thể và quen thuộc hơn. Điều này cho thấy rằng ẩn dụ không chỉ là một công cụ ngôn ngữ mà còn là một công cụ tư duy.

Để khám phá sâu hơn về bản chất và chức năng của ẩn dụ ý niệm, các nhà nghiên cứu đã phát triển nhiều phương pháp khác nhau. Bài báo này sẽ tập trung vào bốn phương pháp phổ biến nhất, bao gồm CMT của Lakoff và Johnson (1980), CMA của Charteris-Black (2004), MIP của Pragglejaz Group (2007), và MLV của Kövecses (2017). Mỗi phương pháp cung cấp một góc nhìn khác nhau về cách thức nhận diện và phân tích ẩn dụ, từ đó giúp chúng ta hiểu rõ hơn về vai trò của ẩn dụ trong việc tạo ra ý nghĩa và kiến thức.

Thông qua việc so sánh và phân tích chi tiết từng bước thực hiện các phương pháp này, bài báo sẽ giúp làm rõ những điểm mạnh, hạn chế và phạm vi ứng dụng của từng phương pháp, từ đó hỗ trợ các nhà nghiên cứu lựa chọn phương pháp phù hợp nhất cho nghiên cứu của mình. Bên cạnh đó, bài báo cũng sẽ thảo luận về những vấn đề lí thuyết và thực tiễn liên quan đến việc nghiên cứu ẩn dụ ý niệm, chẳng hạn như vai trò của văn hóa trong việc hình thành ẩn dụ, mối quan hệ giữa ẩn dụ và các hiện tượng ngôn ngữ khác, và những ứng dụng thực tiễn của nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm trong các lĩnh vực như giáo dục, truyền thông, và tâm lí học.

2. Các lí thuyết và phương pháp nhận diện ẩn dụ ý niệm**2.1. Lí thuyết Ẩn dụ ý niệm (Conceptual Metaphor Theory; CMT)**

Lakoff và Johnson (1980) là những người tiên phong trong nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm với công trình “*Metaphors We Live By*”. Trong đó, các tác giả nhấn mạnh ẩn dụ là mối quan hệ giữa miền

*Trường Đại học Ngoại thương; Email: dothian@ftu.edu.vn

nguồn (source domain) và miền đích (target domain). Phương pháp dựa trên lý thuyết ẩn dụ ý niệm CMT của các tác giả ở đây tập trung vào việc xác định cách một miền nguồn cụ thể, ví dụ “hành trình” được áp dụng để hiểu các khái niệm trừu tượng như “cuộc sống”.

Nhận diện ẩn dụ ý niệm theo phương pháp CMT bao gồm việc xác định các mối liên hệ ý niệm giữa miền nguồn (source domain) và miền đích (target domain). Các bước thực hiện cụ thể của phương pháp này được hệ thống trong bảng 1.

Bảng 1. Quy trình nhận diện ẩn dụ ý niệm theo phương pháp CMT

Các bước thực hiện	Nội dung thực hiện
Bước 1: Đọc và hiểu ngữ liệu	<i>Mục tiêu:</i> Hiểu toàn bộ ngữ cảnh và nội dung của văn bản hoặc phát ngôn cần phân tích. Ví dụ: "Tôi đang đứng trước một ngã rẽ lớn trong cuộc đời." Ý nghĩa ban đầu: Câu này sử dụng từ "ngã rẽ", vốn mang nghĩa đen trong giao thông, nhưng trong bối cảnh này, nó diễn đạt một ý nghĩa trừu tượng về lựa chọn hoặc thay đổi quan trọng trong cuộc sống.
Bước 2: Xác định miền nguồn và miền đích	<i>Mục tiêu:</i> Tìm ra miền nguồn và miền đích, trong đó: - Miền nguồn: Tìm kiếm khái niệm cụ thể quen thuộc (có tính vật lý, rõ ràng). - Miền đích: Xác định khái niệm trừu tượng cần diễn đạt. Phân tích ví dụ: Miền nguồn: Ngã rẽ (trong một hành trình giao thông). → Gắn với hình ảnh cụ thể: con đường, các hướng rẽ, quyết định đi tiếp hoặc đổi hướng. Miền đích: Cuộc sống. → Một khái niệm trừu tượng, gắn liền với các quyết định quan trọng hoặc thay đổi. <i>Nhận diện mối quan hệ:</i> "Ngã rẽ" trong giao thông → biểu thị sự thay đổi hướng đi hoặc lựa chọn → diễn đạt ý tưởng về lựa chọn trong cuộc sống.
Bước 3: Xác định các biểu thức ngôn ngữ ẩn dụ	<i>Mục tiêu:</i> Tìm các từ, cụm từ hoặc câu chứa các biểu thức ẩn dụ liên quan. Ví dụ: Trong ngữ liệu rộng hơn, các biểu thức ẩn dụ thường thấy cho ý niệm "Cuộc sống là hành trình" bao gồm: Điểm xuất phát: "Bắt đầu từ con số 0." Con đường: "Anh ấy đang đi sai đường." Chướng ngại vật: "Cần vượt qua mọi thử thách." Ngã rẽ: "Đứng trước lựa chọn quan trọng." Điểm đến: "Cuộc sống hạnh phúc là đích đến của mọi người."
Bước 4: Phân tích ý nghĩa tri nhận	<i>Mục tiêu:</i> Hiểu cách ẩn dụ tổ chức tư duy và phản ánh cách con người ý niệm hóa khái niệm trừu tượng. Ví dụ: "ngã rẽ lớn trong cuộc đời...." - "Ngã rẽ" được liên kết với các lựa chọn hoặc thay đổi lớn trong cuộc sống. - Ngôn ngữ tạo ra hình ảnh một con đường với nhiều hướng đi, giúp người nói và người nghe dễ dàng hình dung quá trình quyết định. - Ý nghĩa tri nhận: Hành trình của cuộc sống không phải là một đường thẳng mà là tập hợp các lựa chọn dẫn đến các kết quả khác nhau
Bước 5: Kết nối với ý niệm ẩn	<i>Mục tiêu:</i> Xác định ý niệm ẩn dụ tổng quát chi phối các biểu thức đã phân tích.

dụ lớn hơn	Ý niệm tổng quát: Câu ví dụ trên thuộc ý niệm lớn: "CUỘC SỐNG LÀ CUỘC HÀNH TRÌNH". <i>Hành trình</i> (miền nguồn): có con đường, ngã rẽ, điểm đến. <i>Cuộc sống</i> (miền đích): có sự khởi đầu, lựa chọn, khó khăn, và mục tiêu.
Bước 6: Đánh giá và so sánh (nếu cần)	Mục tiêu: Phân tích ngữ cảnh văn hóa: Ví dụ này phổ biến trong các nền văn hóa coi trọng sự tiến bộ và mục tiêu cá nhân (như phương Tây hoặc Đông Á). Một số nền văn hóa khác có thể không sử dụng ý niệm "cuộc sống là hành trình" mà thay thế bằng các ý niệm khác, như "cuộc sống là một chu kỳ".

Nhận diện ẩn dụ ý niệm theo CMT đòi hỏi sự kết hợp giữa phân tích ngôn ngữ, tri nhận và bối cảnh. Ví dụ trên cho thấy cách miền nguồn cụ thể như "ngã rẽ" giúp chúng ta tổ chức và diễn đạt các khái niệm trừu tượng trong cuộc sống.

2.2. Phân tích ẩn dụ phê phán (Critical Metaphor Analysis; CMA)

Charteris-Black (2004) đã đề xuất phương pháp này: kết hợp ngôn ngữ học và phân tích diễn ngôn, tập trung vào bối cảnh xã hội và ý thức hệ đằng sau ẩn dụ. Tác giả nhấn mạnh rằng, ẩn dụ không chỉ phản ánh tư duy mà còn là công cụ quyền lực trong diễn ngôn chính trị.

Các bước thực hiện cụ thể theo phương pháp CMA qua việc minh họa: Diễn ngôn chính trị với ẩn dụ CUỘC CHIẾN KHÔNG NGHÈO ĐỐI được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2. Quy trình nhận diện ẩn dụ ý niệm theo phương pháp CMA

Các bước thực hiện	Nội dung thực hiện
Bước 1: Nhận diện	Mục tiêu: Xác định các ẩn dụ trong văn bản. Ví dụ: <i>"Chúng ta đang tiến hành một cuộc chiến chống nghèo đói, để mỗi người dân đều được sống trong sự thịnh vượng và tự do."</i> → Cụm từ "cuộc chiến" trong ngữ cảnh này không mang nghĩa đen về chiến tranh vật lý mà là một ẩn dụ ý niệm, chuyển giao từ miền nguồn chiến tranh sang miền đích đối phó với nghèo đói.
Bước 2: Giải thích	- Miền nguồn: " <i>Chiến tranh</i> " Các yếu tố điển hình: kẻ thù, chiến lược, chiến thắng, thất bại. Liên tưởng: Chiến tranh đòi hỏi nỗ lực, tài nguyên, và sự kiên định để vượt qua kẻ thù. - Miền đích: " <i>Nghèo đói</i> " Nghèo đói được xem như một kẻ thù cần loại bỏ. Cuộc chiến chống nghèo đói yêu cầu chiến lược cụ thể, sự đầu tư tài chính (tài nguyên), và sự tham gia của các cá nhân/ tổ chức (binh lính). → Ý nghĩa xã hội: Sử dụng ẩn dụ "chiến tranh" tạo cảm giác cấp bách, thúc giục người dân và chính phủ hành động quyết liệt.
Bước 3: Đánh giá	Phân tích quyền lực: - Chính trị gia sử dụng ẩn dụ này để khẳng định vai trò lãnh đạo và trách nhiệm của họ trong việc giải quyết vấn đề xã hội. - Ẩn dụ không chỉ mô tả thực trạng mà còn định hướng cách mọi người nhìn nhận vấn đề (nghèo đói là kẻ thù) và phản ứng (hành động khẩn cấp như chiến tranh). Bối cảnh xã hội: - Trong bối cảnh một quốc gia đang phát triển, "chiến tranh chống nghèo đói" là thông điệp nhấn mạnh sự cam kết và quyết tâm.

	- Tuy nhiên, cách sử dụng này có thể bị chỉ trích vì làm đơn giản hóa hoặc mang tính đối đầu hóa các vấn đề xã hội phức tạp.
--	--

Phương pháp CMA giúp phân tích sâu hơn về vai trò của ẩn dụ không chỉ trong ngôn ngữ mà còn trong việc truyền đạt ý thức hệ và tạo ảnh hưởng trong diễn ngôn.

2.3. Quy trình nhận diện ẩn dụ (Metaphor Identification Procedure; MIP)

Pragglejaz Group (2007) đã sử dụng phương pháp này trong nghiên cứu văn bản. Đây cũng là phương pháp nhận ẩn dụ ý niệm được sử dụng phổ biến và thậm chí được cải tiến, điều chỉnh ở nhiều nơi cho phù hợp với nhiều bối cảnh nghiên cứu cụ thể.

Quy trình MIP tập trung vào việc so sánh nghĩa cơ bản (basic meaning) và nghĩa ngữ cảnh (contextual meaning) của từ hoặc cụm từ. Nếu hai nghĩa khác nhau và có sự chuyển đổi giữa các miền ý niệm, từ đó được coi là mang tính ẩn dụ.

Bảng 3. Quy trình nhận diện ẩn dụ ý niệm theo phương pháp MIP

Các bước thực hiện	Nội dung thực hiện
Bước 1: Đọc toàn bộ văn bản	<i>Mục tiêu:</i> Đọc kỹ toàn bộ văn bản hoặc đoạn văn để nắm bắt được ý nghĩa chung của nội dung. Ví dụ: “Thời gian trôi qua thật nhanh.” → Ý nghĩa tổng thể: Câu này thể hiện cảm giác rằng thời gian dường như đi chuyển nhanh chóng.
Bước 2: Xác định các đơn vị từ trong văn bản hay xác định các từ ngữ tiềm năng mang nghĩa ẩn dụ	<i>Mục tiêu:</i> Tìm từ hoặc cụm từ đáng chú ý có thể mang nghĩa ẩn dụ. Ví dụ: “Thời gian trôi qua thật nhanh,” từ cần phân tích là “trôi.”
Bước 3a: Xác định nghĩa cơ bản của từ ngữ	- Xác định nghĩa cơ bản: là nghĩa phổ biến, cụ thể, và có thể được hiểu trong bối cảnh vật lý. <i>trôi:</i> “di chuyển tự nhiên theo dòng chảy”. - Xác định nghĩa của từ trong ngữ cảnh cụ thể mà nó xuất hiện. Xem từ đó áp dụng vào đối tượng, quan hệ hay thuộc tính nào trong tình huống mà văn bản gợi ra: “trôi” trong ngữ cảnh này chỉ việc thời gian đang tiến về phía trước một cách nhanh chóng.
Bước 3b: Xác định nghĩa cơ bản hơn của từ trong các ngữ cảnh khác	Xác định xem từ đó có nghĩa cơ bản, cụ thể hơn trong các ngữ cảnh khác hay không. Nghĩa cơ bản thường: + Mang tính cụ thể, dễ tưởng tượng (nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm). + Liên quan đến hoạt động của cơ thể. + Chính xác hơn, rõ ràng hơn. + Có từ thời kì lịch sử xa hơn. Ví dụ: Nghĩa cơ bản của “trôi” là: Một vật di chuyển trên mặt nước (ví dụ: “Chiếc lá trôi trên dòng sông”).
Bước 3c: So sánh nghĩa trong ngữ cảnh với nghĩa cơ bản	So sánh nghĩa của từ trong ngữ cảnh với nghĩa cơ bản. Xem nghĩa trong ngữ cảnh có tương phản với nghĩa cơ bản nhưng vẫn có thể hiểu được thông qua sự so sánh hay không. Ví dụ: Nghĩa cơ bản của “trôi” là sự di chuyển trên bề mặt nước.

	Trong câu “ <i>Thời gian trôi qua thật nhanh</i> ,” thời gian không thực sự di chuyển trên mặt nước. Tuy nhiên, hình ảnh thời gian “ <i>trôi</i> ” có thể hiểu được khi so sánh với sự di chuyển liên tục của một vật trên mặt nước.
Bước 4: Đánh dấu từ đó là ẩn dụ nếu có sự so sánh	Nếu nghĩa trong ngữ cảnh có sự so sánh với nghĩa cơ bản và tạo ra ý nghĩa ẩn dụ, đánh dấu từ đó là một ẩn dụ. Ví dụ: Từ “trôi” được dùng với nghĩa ẩn dụ trong câu: “ <i>Thời gian trôi qua thật nhanh</i> .”

MIP cung cấp một cách tiếp cận hệ thống, chặt chẽ và có thể tái hiện để xác định ẩn dụ trong văn bản. Phương pháp này đặc biệt hữu ích trong phân tích ngữ liệu lớn hoặc các nghiên cứu định lượng.

2.4. Ẩn dụ ý niệm đa cấp độ (Multi-level View of Conceptual Metaphor; MLV)

Kövecses (2017) xây dựng, chia ẩn dụ ý niệm thành nhiều cấp độ khác nhau: *sơ đồ hình ảnh, miền nguồn, khung và không gian ý niệm*. Cách tiếp cận này giúp phân tích ẩn dụ một cách toàn diện, từ khía cạnh tri nhận cơ bản đến bối cảnh cụ thể.

Ví dụ: KINH TẾ LÀ MỘT CỖ MÁY

"Nền kinh tế của chúng ta đang bị hỏng hóc và cần được sửa chữa."

Bảng 4. Quy trình nhận diện ẩn dụ ý niệm theo phương pháp MLV

Các bước thực hiện	Nội dung thực hiện
Bước 1: Xác định biểu thức ngôn ngữ liên quan đến ẩn dụ	<i>Mục tiêu:</i> Tìm các cụm từ hoặc câu chứa biểu thức ngôn ngữ có khả năng mang tính ẩn dụ. <i>Biểu thức trong ví dụ:</i> “Nền kinh tế”: Chủ đề trừu tượng (miền đích). “Hỏng hóc”, “cần sửa chữa”: Các biểu thức liên quan đến máy móc (miền nguồn).
Bước 2: Phân tích cấp độ sơ đồ hình ảnh	Sơ đồ hình ảnh (image schemas): Các cấu trúc tri nhận cơ bản được hình thành từ trải nghiệm vật lí. Trong ví dụ, sơ đồ hình ảnh liên quan là hoạt động của máy móc, bao gồm: - Máy móc có thể hoạt động hoặc ngừng hoạt động. - Máy móc cần bảo trì hoặc sửa chữa khi hỏng hóc. - Người sử dụng có thể kiểm soát máy móc. <i>Phân tích:</i> Trong câu “ <i>Nền kinh tế của chúng ta đang bị hỏng hóc và cần được sửa chữa</i> ”: kinh tế được hình dung như một cỗ máy lớn với các bộ phận có thể hoạt động không hiệu quả hoặc ngừng hoạt động.
Bước 3: Xác định miền nguồn và miền đích	- Miền nguồn (source domain): <i>Cỗ máy</i> Đặc điểm: Cỗ máy có các bộ phận, cần năng lượng để vận hành, có thể bị hỏng, cần sửa chữa để hoạt động hiệu quả. - Miền đích (target domain): <i>Nền kinh tế</i> Đặc điểm: Một hệ thống phức tạp, có thể gặp vấn đề (khủng hoảng kinh tế), cần can thiệp (chính sách) để khôi phục hiệu suất. - Kết nối miền nguồn và miền đích: Kinh tế được hình dung như một cỗ máy với các bộ phận (ngành

	nghề, thị trường) và năng lượng (vốn, lao động, sản xuất).
Bước 4: Phân tích cấp độ khung	Khung (Frames): Bối cảnh ý nghĩa mà ẩn dụ hoạt động. Trong ví dụ, khung liên quan là khung sửa chữa máy móc, gồm các yếu tố: - Người sửa chữa: Chính phủ, ngân hàng trung ương, hoặc các nhà kinh tế. - Công cụ sửa chữa: Chính sách tài khóa, tiền tệ hoặc cải cách cấu trúc. - Tình trạng máy móc: "Hỏng hóc" tượng trưng cho khủng hoảng kinh tế hoặc suy thoái. Phân tích: Trong khung này, các nhà quản lý kinh tế được coi như "thợ sửa chữa", và các chính sách là "công cụ sửa chữa".
Bước 5: Phân tích cấp độ không gian ý niệm	Không gian ý niệm (mental spaces): Các tập hợp khái niệm trong trí não của con người, kết hợp từ miền nguồn và miền đích. Trong ví dụ: Không gian ý niệm tích hợp hai khái niệm: - Cổ máy vận hành tốt tượng trưng cho nền kinh tế ổn định và phát triển. - Cổ máy hỏng tượng trưng cho nền kinh tế suy thoái hoặc mất cân đối. Việc "sửa chữa" được hiểu là hành động cải thiện hiệu suất kinh tế. Phân tích: Không gian ý niệm này phản ánh tư duy phổ biến: nền kinh tế là một hệ thống cơ học mà con người có thể kiểm soát và sửa chữa để đạt hiệu quả.
Bước 6: Đánh giá và kết luận	Ý nghĩa tri nhận: Ẩn dụ "Kinh tế là một cỗ máy" giúp con người hình dung kinh tế như một hệ thống cụ thể, dễ hiểu, với các yếu tố có thể quản lý. Ảnh hưởng văn hóa: Trong bối cảnh văn hóa kỹ trị, ẩn dụ này nhấn mạnh vai trò của công nghệ, kỹ năng và kiến thức để vận hành và cải thiện nền kinh tế.

Phương pháp này phân tích ẩn dụ ở nhiều cấp độ, từ sơ đồ tri nhận cơ bản đến bối cảnh văn hóa và ý nghĩa xã hội. Việc sử dụng từng cấp độ khác nhau phụ thuộc vào ngữ cảnh và mục đích nghiên cứu, từ việc nhận diện các ẩn dụ đơn giản trong giao tiếp hàng ngày cho đến phân tích các ẩn dụ phức tạp trong văn học, truyền thông, và nghiên cứu ngữ nghĩa. Mỗi cấp độ đều có những ưu điểm và hạn chế riêng, do đó, việc kết hợp chúng một cách hợp lý sẽ giúp đạt được kết quả phân tích ẩn dụ hiệu quả và sâu sắc hơn.

3. So sánh và đánh giá các phương pháp nhận diện

Các phương pháp nhận diện ẩn dụ ý niệm có những ưu và nhược điểm riêng. CMT tập trung vào cấu trúc khái niệm, CMA nhấn mạnh bối cảnh xã hội và quyền lực. MIP nổi bật với tính hệ thống, dễ áp dụng vào nghiên cứu ngữ liệu lớn, còn Multi-level View cho phép phân tích sâu hơn các tầng bậc ý niệm và ngữ cảnh cụ thể.

Bảng 5. So sánh 4 phương pháp nhận diện ẩn dụ ý niệm

	CMT	CMA	MIP	MLV
Mục tiêu chính	Hiểu cách ẩn dụ ý niệm cấu trúc tư duy thông qua mối quan hệ miền nguồn - miền đích.	Phân tích bối cảnh xã hội, ý thức hệ và quyền lực ẩn sau ẩn dụ	Xác định ẩn dụ trong văn bản bằng quy trình hệ thống, chính xác.	Phân tích đa cấp độ của ẩn dụ (sơ đồ hình ảnh, miền, khung, không gian ý niệm).
Cách tiếp cận	Dựa trên việc chuyển đổi ý niệm từ miền nguồn sang miền đích.	Kết hợp ngôn ngữ học với phân tích diễn ngôn trong bối cảnh xã hội.	Quy trình ngôn ngữ học với các bước xác định nghĩa cơ bản và nghĩa ngữ cảnh.	Khám phá ý nghĩa ẩn dụ từ tri nhận cơ bản đến bối cảnh văn hóa và xã hội.
Ưu điểm	+ Hệ thống hóa cách ẩn dụ phản ánh tư duy con người. + Dễ ứng dụng vào nhiều lĩnh vực.	+ Kết nối ẩn dụ với bối cảnh xã hội và ý thức hệ. + Hiểu rõ mục tiêu của diễn ngôn.	+ Quy trình rõ ràng, có hệ thống, dễ áp dụng + Phù hợp với ngữ liệu lớn, và có thể sử dụng cho cả văn bản văn học và giao tiếp hàng ngày.	+ Phân tích đa tầng, toàn diện. + Kết hợp ngôn ngữ, tư duy và văn hóa.
Nhược điểm	+ Thiếu chú trọng vào bối cảnh xã hội và văn hóa cụ thể. + Các ẩn dụ phức tạp hoặc không rõ ràng có thể khó nhận diện.	+ Phụ thuộc nhiều vào phân tích chủ quan. + Yêu cầu hiểu biết sâu về xã hội học và quyền lực.	+ Khó nhận diện các ẩn dụ phức tạp + Chủ yếu xác định được ẩn dụ trong các ngữ cảnh cụ thể, không thể giải thích hoàn toàn các mối quan hệ văn hóa	+ khá phức tạp và đòi hỏi một quá trình phân tích chi tiết ở nhiều cấp độ. + Cần nhiều thời gian và kiến thức liên ngành để phân tích chính xác và đầy đủ các cấp độ.
Khả năng áp dụng chính	Phân tích văn học, bài diễn thuyết và ngữ nghĩa học	Các văn bản mang tính chính trị, quảng cáo và văn học.	Các bài báo, thảo luận học thuật, quảng cáo, truyền thông, ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày.	Nghiên cứu văn học, ngôn ngữ, truyền thông đến các lĩnh vực xã hội khác

Xét ở góc độ chi tiết hơn, phương pháp nhận diện ẩn dụ ý niệm CMT mang đến nhiều ưu điểm trong việc phân tích ngôn ngữ. CMT giúp ta có cái nhìn sâu sắc và rõ ràng về cách các ẩn dụ được sử dụng trong văn bản, từ đó hiểu rõ hơn ý nghĩa ẩn chứa bên trong. Bên cạnh đó, việc nhận diện các ẩn dụ trong các văn bản văn học, đối thoại hàng ngày trở nên dễ dàng hơn nhờ CMT. Tuy nhiên, phương pháp này cũng gặp phải một số hạn chế. Các ẩn dụ phức tạp hoặc mang tính cá nhân hóa có thể khó xác định chính xác. Ngoài ra, một số ẩn dụ độc đáo hoặc mới lạ có thể chưa được đưa vào các mô hình cấu trúc đã có sẵn, gây khó khăn trong việc phân tích. Nhìn chung, CMT là một công cụ hữu ích

trong việc nghiên cứu ngôn ngữ, đặc biệt trong lĩnh vực phân tích văn học, bài diễn thuyết và ngữ nghĩa học. Tuy nhiên, để đạt được kết quả chính xác và toàn diện, người nghiên cứu cần kết hợp CMT với các phương pháp khác và có kiến thức sâu rộng về ngôn ngữ cũng như văn hóa.

Phương pháp CMA là một công cụ hữu ích để khám phá cách ẩn dụ được sử dụng để xây dựng và duy trì quyền lực trong xã hội. Ví dụ, khi phân tích bài diễn văn của một nhà lãnh đạo chính trị, CMA giúp chúng ta nhận ra những ẩn dụ được sử dụng để tạo ra hình ảnh một người lãnh đạo mạnh mẽ và đáng tin cậy. Tuy nhiên, việc xác định chính xác ý nghĩa của các ẩn dụ và đánh giá tác động của chúng có thể mang tính chủ quan. CMA đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức sâu rộng về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội. Mặc dù vậy, phương pháp này vẫn là một công cụ quan trọng trong việc phân tích các văn bản mang tính chính trị, quảng cáo và văn học.

Phương pháp MIP là một công cụ hữu ích để nhận diện ẩn dụ trong văn bản. Ưu điểm nổi bật của MIP là tính dễ áp dụng và tính linh hoạt, có thể sử dụng cho cả văn bản văn học và giao tiếp hàng ngày, có thể áp dụng với khối ngữ liệu lớn. Với các bước xác định rõ ràng, MIP giúp chúng ta dễ dàng tìm ra những từ ngữ mang ý nghĩa ẩn dụ trong một ngữ cảnh nhất định. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có những hạn chế. MIP gặp khó khăn trong việc nhận diện các ẩn dụ quá phức tạp, đồng thời chỉ tập trung vào việc xác định ẩn dụ trong các ngữ cảnh cụ thể, chưa thể giải thích đầy đủ các mối quan hệ văn hóa sâu xa ẩn chứa trong ẩn dụ. Do đó, MIP phù hợp nhất với các nghiên cứu phân tích văn bản cụ thể, như các bài báo, thảo luận học thuật, quảng cáo, truyền thông, ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày.

Phương pháp nhận diện ẩn dụ ý niệm MLV cung cấp một khung phân tích chi tiết và hệ thống, giúp chúng ta khám phá sâu sắc cấu trúc và chức năng của ẩn dụ trong ngôn ngữ. Bằng cách phân tích ẩn dụ qua các cấp độ sơ đồ hình ảnh, miền, khung và không gian ý niệm, phương pháp này giúp làm rõ các mối liên hệ giữa các khái niệm trừu tượng và cụ thể, từ đó góp phần làm sáng tỏ cách thức con người tư duy và giao tiếp. Phương pháp này có thể được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, từ nghiên cứu văn học, ngôn ngữ, truyền thông đến các lĩnh vực xã hội khác. Tuy nhiên, phương pháp này cũng đòi hỏi người nghiên cứu phải có kiến thức chuyên sâu về lý thuyết ngôn ngữ học và nhận thức, cũng như khả năng phân tích phức tạp các cấu trúc ẩn dụ. Việc xác định chính xác các cấp độ và mối quan hệ giữa chúng trong một số trường hợp có thể gặp khó khăn, dẫn đến sự khác biệt trong kết quả phân tích của các nhà nghiên cứu khác nhau.

Dù có những khó khăn nhất định, phương pháp nhận diện MLV được xem là mới mẻ hơn cả và có tiềm năng rất lớn cho các nhà nghiên cứu vận dụng vào bài viết của mình. Việc kết hợp các phương pháp với nhau cũng tạo hiệu ứng tương hỗ, vừa giúp tăng hiệu quả nhận diện ẩn dụ ý niệm, vừa giúp tạo sự mới mẻ cho các bài nghiên cứu ngôn ngữ sau này.

4. Kết luận

1) Việc nhận diện ẩn dụ ý niệm là một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng, cung cấp nhiều cách nhìn mới về ngôn ngữ và tư duy. Các phương pháp như CMT, CMA, MIP và MLV không chỉ bổ sung cho nhau mà còn mở rộng phạm vi ứng dụng của nghiên cứu ẩn dụ. CMT cung cấp một nền tảng lý thuyết vững chắc về cơ chế hoạt động của ẩn dụ ý niệm, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cách các khái niệm trừu tượng được liên kết với nhau. CMA tập trung vào phân tích vai trò của ẩn dụ trong các văn bản xã hội, đặc biệt trong các cuộc tranh luận, giúp chúng ta khám phá cách ẩn dụ được sử dụng để tạo lập ý nghĩa và quyền lực. MIP cung cấp một quy trình cụ thể để nhận diện các ẩn dụ trong văn bản, giúp chúng ta xây dựng các công cụ tự động hóa quá trình phân tích. Trong khi đó, MLV phân tích ẩn dụ ở nhiều cấp độ khác nhau, từ cấp độ khái niệm đến cấp độ văn hóa, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về sự đa dạng và phức tạp của ẩn dụ. Sự kết hợp của các phương pháp này cho phép các nhà nghiên cứu có một cái nhìn toàn diện hơn về ẩn dụ, từ đó mở rộng phạm vi ứng dụng của nghiên cứu ẩn dụ vào nhiều lĩnh vực khác nhau. Bằng cách kết hợp các ưu điểm của từng phương pháp, các nhà nghiên cứu có thể áp dụng chúng vào việc nghiên cứu văn hóa, giáo dục, truyền thông, tâm lý học và thậm chí là công nghệ ngôn ngữ tự nhiên.

2) Việc trình bày các phương pháp nhận diện ẩn dụ ý niệm theo trình tự xuất hiện của từng phương pháp còn cho thấy tính mới hay tính quen thuộc của từng phương pháp. Nếu CMT được coi là tiền đề được gây dựng bởi các nhà ngôn ngữ học vĩ đại Lakoff & Johnson, thì phương pháp MIP lại được xem là phương pháp được ưa chuộng sử dụng trong những năm gần đây. Các tác giả, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học tại Việt Nam có xu hướng lựa chọn sử dụng phương pháp này để nhận diện ẩn dụ ý niệm một cách an toàn hơn và thân thuộc hơn. Phương pháp MLV là phương pháp mới nhất trong bốn phương pháp được đề xuất trong bài này. Đây cũng là phương pháp còn ít được vận dụng trong các bài nghiên cứu về Ẩn dụ ý niệm. Do vậy các nhà nghiên cứu trẻ có thể cân nhắc lựa chọn phương pháp này để đảm bảo công trình, sản phẩm nghiên cứu của mình có tính mới và có sức hút hơn.

3) Việc nghiên cứu ẩn dụ ý niệm vẫn còn nhiều thách thức. Ví dụ, việc xác định ranh giới giữa ẩn dụ và các hiện tượng ngôn ngữ khác như thành ngữ hay phép hoán dụ vẫn là một vấn đề gây tranh cãi. Ngoài ra, việc áp dụng các phương pháp nhận diện này vào các ngôn ngữ và văn hóa khác nhau cũng đòi hỏi những điều chỉnh và phát triển phù hợp. Các nhà nghiên cứu nên cân nhắc việc cải tiến các phương pháp nhận diện, hoặc có thể kết hợp nhiều phương pháp nhận diện để tối ưu hóa những lợi thế của mỗi phương pháp. Thậm chí có thể vừa kết hợp, vừa phát triển hoặc điều chỉnh tùy thuộc từng bối cảnh nghiên cứu cụ thể. Hơn thế nữa, trong tương lai, việc nghiên cứu ẩn dụ ý niệm sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhờ sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại và xử lý ngôn ngữ tự nhiên. Các nhà nghiên cứu có thể sử dụng nhiều công cụ mới để xây dựng các mô hình có khả năng nhận diện, phân tích ẩn dụ nhanh gọn và chính xác hơn, từ đó mở ra tiềm năng mới cho việc nghiên cứu và ứng dụng ẩn dụ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lakoff, G., & Johnson, M. (2008), *Metaphors we live by*. University of Chicago press.
2. Charteris-Black, J. (2004), Critical metaphor analysis. In *Corpus approaches to critical metaphor analysis* (pp.243-253). London: Palgrave Macmillan UK.
3. Pragglejaz Group (2007), MIP: A method for identifying metaphorically used words in discourse. *Metaphor and symbol*, 22(1), pp.1-39.
4. Kövecses, Z. (2017), Levels of metaphor. *Cognitive linguistics*, 28(2), pp.321-347.

A discussion on different approaches of conceptual metaphor identification

Abstract: This article discusses and evaluates four sequentially developed methods for identifying conceptual metaphors. The analyzed methods include Conceptual Metaphor Theory (CMT) by Lakoff and Johnson (1980), Critical Metaphor Analysis (CMA) by Charteris-Black (2004), Metaphor Identification Procedure (MIP) proposed by Pragglejaz Group (2007) and the Multi-Level View of Conceptual Metaphor (MLV) by Kövecses (2017). Through analysis, comparison, and the detailed elaboration of each identification step, this paper provides a comprehensive overview, assisting researchers in selecting the most suitable method for effectively exploring and analyzing conceptual metaphors. Moreover, this article suggests potential applications of these methods in various research fields to enhance the quality and efficiency of research on conceptual metaphors.

Key words: Identification; Conceptual Metaphor; CTM; CMA; MIP; MLV.